

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
(NAVIFICO)

Thành Phố Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Các định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông Công ty	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	113
Điều 17. Thay đổi các quyền	113
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Thành phần và Nhiệm kỳ	19
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY LIÊN QUAN	25
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	25
Điều 30. Người quản lý	25
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	25
Điều 32. Thư ký Công ty	26

2



IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.....	27
Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý	27
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	27
Điều 35. Trách nhiệm và bồi thường.....	28
X. BAN KIỂM SOÁT.....	29
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát	29
Điều 37. Ban kiểm soát.....	30
XI. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	30
Điều 38. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ	30
XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 39. Người lao động và Công đoàn.....	31
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	31
Điều 40. Cổ tức	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	32
Điều 41. Tài khoản ngân hàng	32
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác.....	32
Điều 43. Năm tài chính.....	32
Điều 44. Hệ thống kế toán	32
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	33
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	33
Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	33
Điều 47. Kiểm toán	33
XVII. CON DẤU.....	34
Điều 48. Con dấu.....	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	34
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	34
Điều 50. Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông	34
Điều 51. Gia hạn hoạt động	34
Điều 52. Thanh lý.....	35
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	35
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	36
Điều 54. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	36
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	36
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	36

The block contains several handwritten signatures in black ink. There are four distinct signatures at the top, and a larger, more stylized signature at the bottom right. The signatures are placed over the bottom portion of the table of contents.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Nam Việt (dưới đây gọi là Công ty) được xây dựng căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2005, các quy định của pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ mẫu cho các công ty niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 03 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Điều lệ này được thông qua bởi cổ đông của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ-NAV ngày 25/06/2011 của Đại hội đồng cổ đông.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
 - b. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi tại Điều 5 Điều lệ này.
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
 - d. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - e. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.
 - f. "Người quản lý" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của Công ty.
 - g. "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - h. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - i. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Các từ viết tắt:
 - a. HĐQT là viết tắt của Hội đồng quản trị.
 - b. BKS là viết tắt của Ban kiểm soát.
 - c. ĐHĐCĐ là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
4. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
5. Các từ hoặc thuật ngữ khác sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

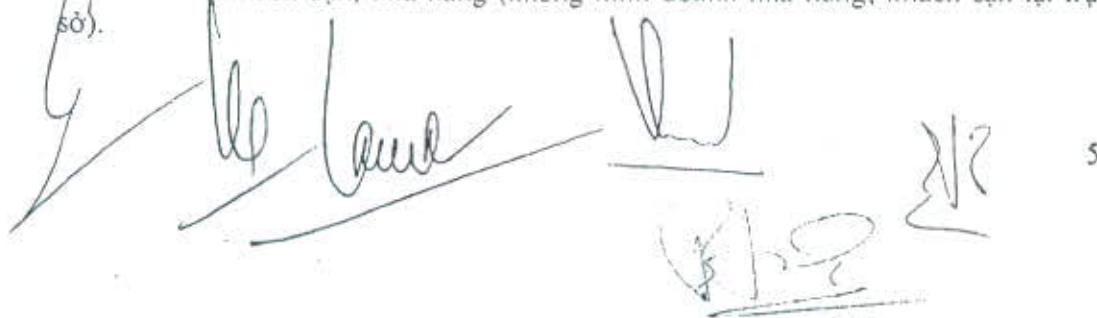
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**
Tên giao dịch quốc tế: **NAM VIET JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **NAVIFICO**
2. Công ty là một Công ty cổ phần có chế độ trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Long, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 84 - 8 - 7313443
 - Fax: 84 - 8 - 7313641
 - Email: naviinfo@navifico-corp.com
 - Website: www.navifico-corp.com; www.navifico.vn
4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 Điều lệ này hoặc gia hạn thời hạn hoạt động theo Điều 51 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ; tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Sản xuất tấm lợp, cầu kiện bê tông;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất, mua bán các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc - cơ khí;
 - Thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng;
 - Sản xuất, chế biến, mua bán nông lâm thủy sản;
 - Kinh doanh nhà ở;
 - Thiết kế : kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình;
 - Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
 - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở).



Handwritten signatures and stamps are present at the bottom of the page, including a large signature on the left, a smaller one in the center, and a stamp on the right.

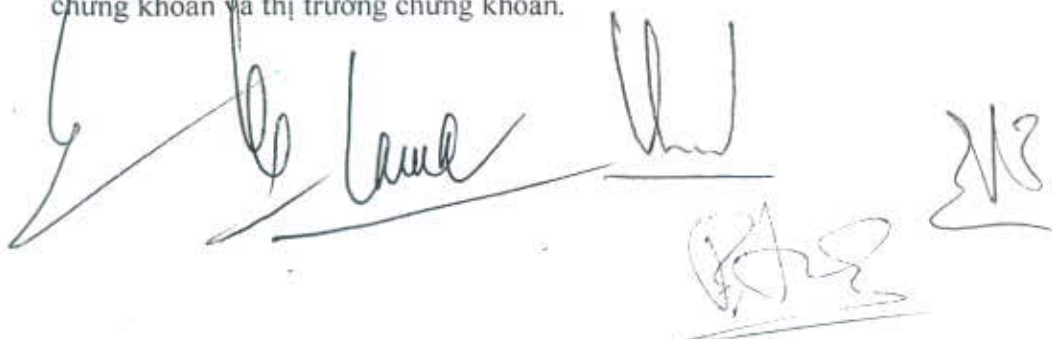
Điều 4. Phạm vi kinh doanh

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hoạt động kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty **80.000.000.000đ (Tám mươi tỷ đồng)**. Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành **8.000.000 cổ phần (tám triệu cổ phần)** với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng /một cổ phần.
2. Tất cả cổ phần phát hành của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần với phương thức trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần. Các cổ phần được phát hành dưới hình thức này sẽ không được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán trước ngày số tiền mua các cổ phần này được thanh toán hết.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà họ đang sở hữu. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và trong thời hạn theo quy định của pháp luật nhưng không ít hơn 21 ngày (hai mươi một ngày) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần không đăng ký mua hết theo thông báo chào bán đó sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

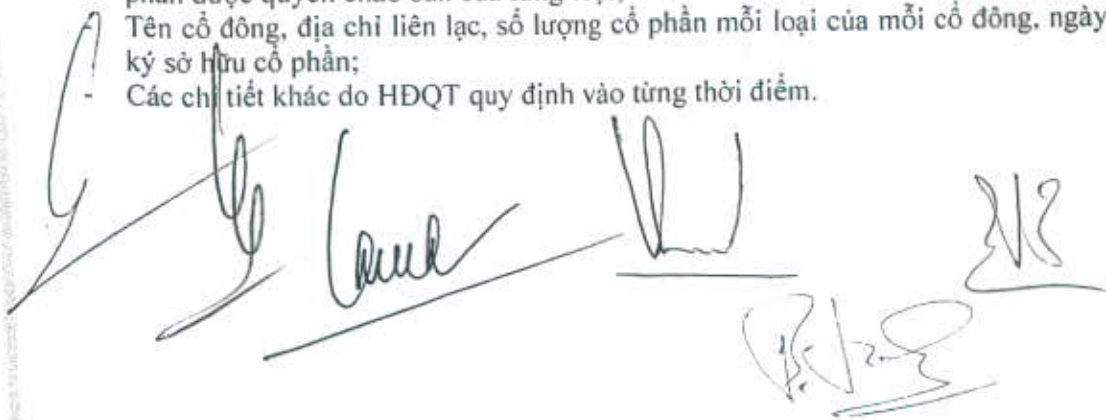
1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 điều này.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm HĐQT có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông gồm các nội dung sau:
 - Tên và trụ sở chính của Công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, số lượng cổ phần mỗi loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký sở hữu cổ phần;
 - Các chi tiết khác do HĐQT quy định vào từng thời điểm.



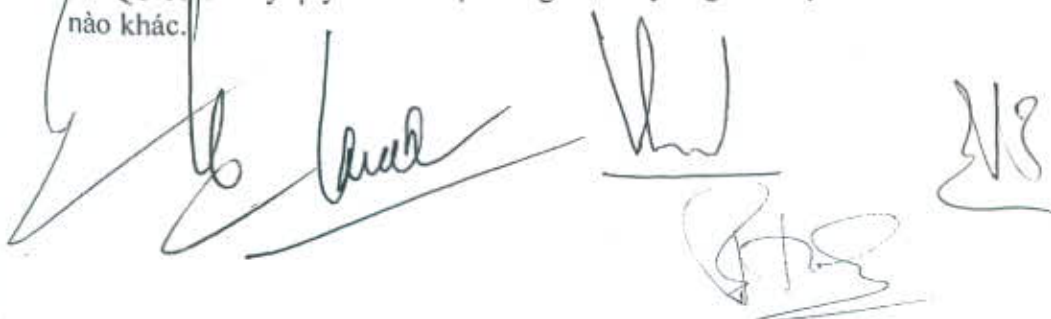
2. Sổ đăng ký cổ đông có thể bằng hình thức sổ đăng ký hoặc tập dữ liệu lưu trữ trong máy tính và in bằng giấy phục vụ quản lý, tham khảo. Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính Công ty nơi phát hành cổ phiếu.
3. Đối với những cổ đông lưu ký chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán thì sổ đăng ký cổ đông sẽ điều chỉnh theo Danh sách người sở hữu chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán cung cấp tại thời điểm báo cáo.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán.
2. Trừ khi HĐQT có quy định khác và phải phù hợp với pháp luật hiện hành, tất cả các chuyển nhượng cổ phần đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, người hoặc những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người hoặc những người có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả cho việc mua cổ phần thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.



5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và không quá 12% một năm theo quyết định của HĐQT nếu ĐHĐCĐ không có quyết định khác. HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành cho cổ đông khác hoặc người không phải là cổ đông;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng, có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên HĐQT, BKS theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 25 và khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
 - c. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
- Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ.
- d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Các cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của HĐQT và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định;
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của HĐQT.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy.
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Công ty đã bị lỗ ít nhất một nửa vốn Điều lệ.
 - c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng yêu cầu triệu tập đại hội khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc khi nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:
 - a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại khoản 3c hoặc nhận được yêu cầu nêu tại khoản 3d hoặc 3e điều này.
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4a điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4b điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ

- đồng. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.
 - d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của BKS về quản lý công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc;
 - c. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - f. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại.
- 2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
 - a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của HĐQT;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty và các chi nhánh của Công ty đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - n. Việc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty;

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
 - a. Các hợp đồng quy định tại điểm o khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp và Điều lệ có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp cổ đông tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung do Công ty quy định hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận và:
 - a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp và phải có đóng dấu của pháp nhân đó. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
 - a. chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b. huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
 - c. huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Theo Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần trong trường hợp liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức những cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên

- thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 ngày sau đó và không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự các quy định tại Điều 18 và Điều 19.
 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.3a hoặc 14.4a.
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội xong trước ít nhất 30 ngày so với ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội và gửi thông báo đại hội cho họ.
3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có website, thông báo về họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở nên;
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.
7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua 100% đều là hợp lệ ngay cả khi ĐHĐCĐ không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

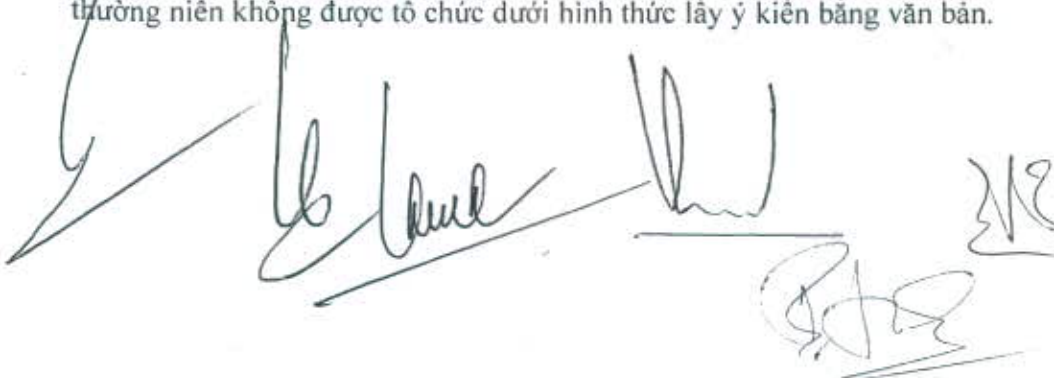
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc là người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 6 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. HĐQT sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.



Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông qua bởi ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp;
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.



18

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Số thành viên của HĐQT từ 5 đến 7 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Mỗi thành viên HĐQT có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ít nhất một phần ba số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập không điều hành. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT
2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:
 - a. Là cổ đông hoặc người được cổ đông đề cử;
 - b. Có trình độ đại học và có ít nhất 2 năm công tác thực tế, hoặc đã làm công tác quản lý doanh nghiệp ít nhất 5 năm, hoặc đã hoạt động trong lĩnh vực cùng ngành hàng với Công ty 10 năm;
 - c. Phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành luật pháp;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được quyền đề cử, ứng cử vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ trên 5% đến dưới 20% được cử 1 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người, từ 50% đến dưới 65% được cử 4 người, từ 65% trở lên được cử 5 người.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
6. HĐQT có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ tiếp theo sau đó. Ngay khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Thành viên HĐQT được chỉ định để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT vẫn phải trải qua một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người sở hữu cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
 - c. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thư ký Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng đang có hiệu lực của những người bị bãi nhiệm, nếu có; quyết định mức lương và các lợi ích khác của người quản lý đó;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - h. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
 - a. Việc thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập hoặc giải thể các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp đều phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn;
 - d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;



- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - j. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. HĐQT phải nộp báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
 6. HĐQT có thể uỷ quyền cho các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.
 7. Các thành viên HĐQT, không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế, được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào, bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không, hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
 10. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty. Nếu các cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Tổng Giám đốc, quyết định này cần phải được phê chuẩn hàng năm vào kỳ ĐHĐCĐ thường niên.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT:
 - a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;
 - c. Thay mặt HĐQT ký các quyết định của HĐQT;
 - d. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
 - e. Kiến nghị lên HĐQT, ĐHĐCĐ về việc bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

- f. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại sẽ chỉ định Phó Chủ tịch thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên HĐQT tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
 4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
 5. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch của HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý;
 - b. Hai thành viên HĐQT;
 - c. Chủ tịch HĐQT;
 - d. Đa số các thành viên trong Ban kiểm soát.
4. Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
5. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của HĐQT.
7. Thông báo và chương trình họp. Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên HĐQT có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp HĐQT sẽ phải được làm bằng văn bản

bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế là thành viên khác trong HĐQT
9. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại khoản 9b điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại khoản 9d điều này, khi có vấn đề nào phát sinh trong một cuộc họp HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công bố lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên HĐQT sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.

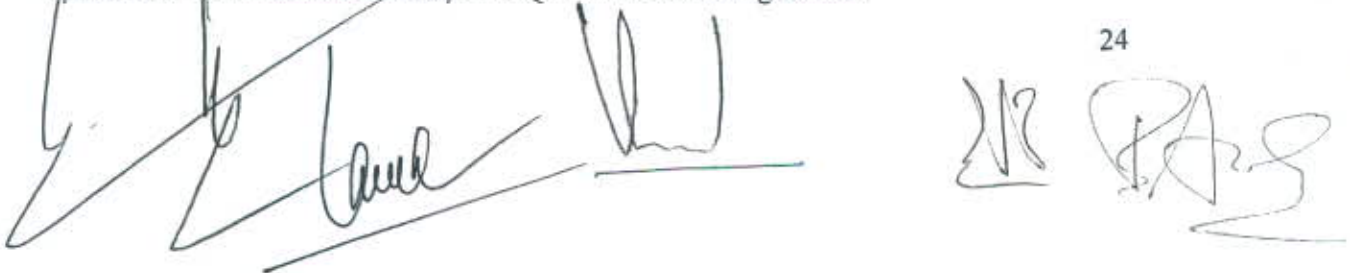
Nghị quyết theo hình thức bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Biên bản cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

16. Những người được mời họp dự thỉnh. Tổng Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

17. Các tiểu ban của HĐQT. HĐQT có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều người khác ở ngoài HĐQT nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên hiện có của tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Nghị quyết đó không phải là thành viên HĐQT.

18. Giá trị pháp lý của hành động. Mọi hành động được thực hiện theo quyết định HĐQT, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc HĐQT hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

The bottom of the page contains several handwritten signatures in black ink, likely representing the members of the Board of Directors (Hội đồng Quản trị) who have approved the document. There are approximately five distinct signatures visible.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY LIÊN QUAN

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thư ký công ty do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại người quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do HĐQT quyết định và hợp đồng của những người quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trong phạm vi thẩm quyền tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT;
 - c. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người này;
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người làm công, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.
 - f. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty ;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT ;
 - k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh ;
 - l. Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.

Điều 32. Thư ký Công ty

HĐQT sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. Thư ký Công ty có thể là một nhân viên nhưng không phải là thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc. HĐQT có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không được phép gây ra bất cứ một khiếu kiện nào do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Công ty. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký công ty. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc BKS;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho thành viên của HĐQT và BKS.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

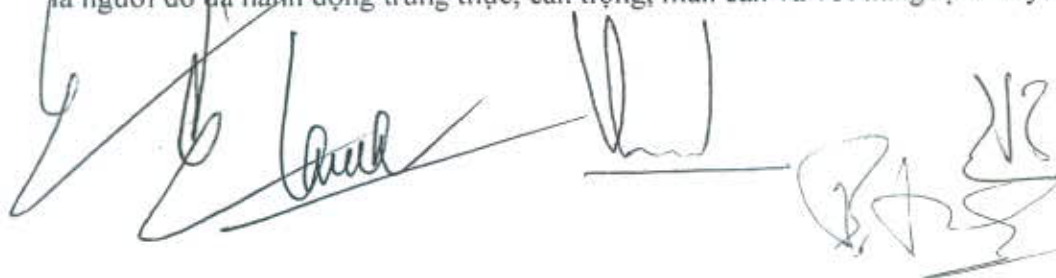
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý không được phép lợi dụng những cơ hội kinh doanh mà Công ty có thể sử dụng vì lợi ích công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.Việc kê khai theo quy định tại khoản 2 điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính Công ty. Cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất kỳ lúc nào nếu thấy cần thiết.
Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.
4. Theo Điều 20 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty và những người liên quan của họ;
 - Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính.
- a. HĐQT chấp thuận các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên HĐQT; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
 - b. ĐHCĐ chấp thuận các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ 20% trở lên của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 - c. Theo quan điểm của một tổ chức tư vấn độc lập đủ tiêu chuẩn, hợp đồng hoặc giao dịch đó là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Không một thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính hay điều tra mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty hay công ty con của Công ty, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty hay công ty con của công ty với tư cách thành viên HĐQT, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh kể cả phí thuê luật sư, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn



theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. BKS có 3 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn sau:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
 - c. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc nhân viên của Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được quyền đề cử, ứng cử người vào BKS của Công ty. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ trong khoảng từ trên 5% đến dưới 35% được đề cử 1 người, từ 35% đến dưới 65% được đề cử 2 thành viên, từ 65% trở lên được đề cử 3 thành viên.
3. BKS phải chỉ định một thành viên làm trưởng ban. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là trưởng BKS;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS; và
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Thành viên của BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS và Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được phép họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên BKS sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến hoạt động của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên BKS và số tiền mà mỗi thành viên nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

XI. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 38. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty trong thời hạn 6 tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi cổ đông đều có quyền tham khảo, sao chép Điều lệ công ty. Nếu công ty có website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc sẽ phải lập một kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người làm công cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
4. ĐHĐCĐ theo đề xuất của HĐQT sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cách phân chia những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển

- cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
6. Theo chấp thuận của các cổ đông tại ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần được ghi là đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
 7. Theo Luật Doanh nghiệp, HĐQT thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác

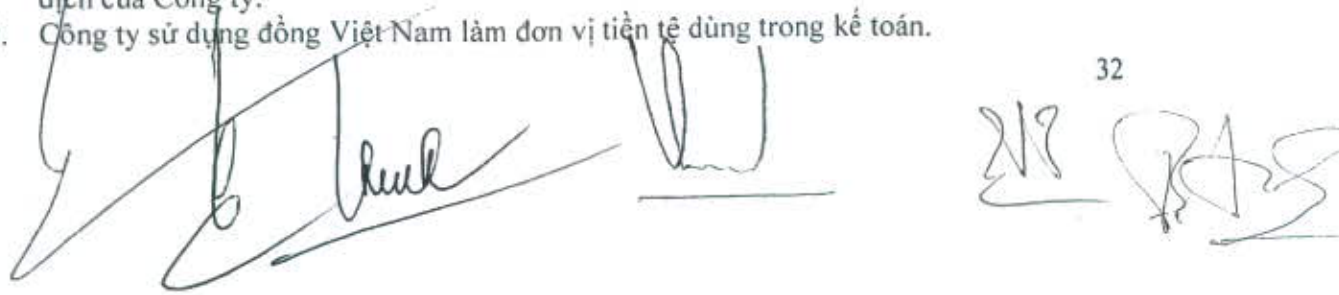
1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
2. Công ty có thể trích lập các loại quỹ khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.



XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo kế toán thường niên của công ty lẫn bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương hoặc tạp chí kinh doanh trong vòng hai số liên tiếp. Nếu công ty có một trang Web thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được đưa lên trang Web.
5. Bất kỳ cổ đông nào quan tâm sẽ được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Tại ĐHĐCĐ hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập của Công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình

báo cáo đó cho HĐQT trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Một kiểm toán viên sẽ được phép tham dự mọi ĐHĐCĐ nào và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến mọi ĐHĐCĐ mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) đều phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT tuân theo và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 50. Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hành động.
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc qua uỷ quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

34

Điều 52. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thanh toán.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - (i) Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
 - (ii) Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay những người quản lý khácthì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/06/2011 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

CÁC THÀNH VIÊN

1. Ông : LÊ HỮU THUẬN
2. Ông : NGUYỄN VĂN NAM
3. Ông : BÙI HẢI QUÂN
4. Ông : VŨ HẢI BÀNG
5. Ông : NGUYỄN VŨ THỊNH
6. Ông : LÊ QUANG THIÊN



TÔN THẤT MẠNH

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT (NAVIFICO)- Tháng 6 năm 2011

(LẦN THỨ 1)

(Đã được thông qua tại Đại Hội Cổ Đông Thường Niên 2013 , ngày 06/04/2013).

Điều 1: Sửa đổi, tu chỉnh điều 1, điều 2, điều 8, điều 25, điều 26, điều 28 và điều 34 của Điều Lệ Công ty ngày 25/06/2011 như sau:

STT	Điều lệ ngày 25/06/2011	Điều lệ đề nghị tu chỉnh	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	- Điều 1, khoản 1.f "Người quản lý" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng của Công ty.	- Điều 1, khoản 1.f "Người quản lý" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng của Công ty và các vị trí khác trong công ty được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn.	- Thông tư 121-2012/TT-BTC ngày 26/07/2012. - Điều 4- khoản 13- Luật Doanh Nghiệp 2005
2	- Điều 2, khoản 3 Trụ sở đăng ký của Công ty là: ▪ Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Long, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh. ▪ Điện thoại: 84 - 8 – 7313443 ▪ Fax: 84 - 8 – 7313641 ▪ Email: naviinfo@navifico-corp.com ▪ Website: www.navifico-corp.com; www.navifico.vn	- Điều 2, khoản 3 Trụ sở đăng ký của Công ty là: ▪ Địa chỉ: 18F Tầng Nhọn Phú, KP4, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh. ▪ Điện thoại: (84)- 8 – 37313443 ▪ Fax: (84)- 8 – 37313641 ▪ Email: naviinfo@navifico-corp.com ▪ Website: www.navifico.vn	
3	- Điều 8, khoản 3 Đối với những cổ đông lưu ký chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán thì sổ đăng ký cổ đông sẽ điều chỉnh theo Danh sách người sở hữu chứng khoán do Sở Giao dịch chứng khoán cung cấp tại thời điểm báo cáo.	- Điều 8, khoản 3 Đối với những cổ đông lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán thì sổ đăng ký cổ đông sẽ điều chỉnh theo Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp tại thời điểm báo cáo	

4	- Điều 25, khoản 3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được quyền đề cử, ứng cử vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: Từ trên 5% đến dưới 20% được cử 1 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người, từ 50% đến dưới 65% được cử 4 người, từ 65% trở lên được cử 5 người.	- Điều 25, khoản 3 Số lượng ứng cử viên được các cổ đông đề cử vào HĐQT Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến: <i>Dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên;</i> <i>từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên;</i> <i>từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên;</i> <i>từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên</i> <i>và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số thành viên.</i>	
5	- Điều 26; Điều 28; Điều 34 Cụm từ "Cán bộ quản lý"	- Điều 26; Điều 28; Điều 34 Chuyển tất cả cụm từ "Cán bộ quản lý" thành cụm từ "người quản lý"	

Điều 2: Phụ lục sửa đổi, tu chỉnh Điều lệ công ty lần thứ 1 này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 04 năm 2013 và được thay thế điều khoản tương ứng trong bản điều lệ được cổ đông thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2013.

Các điều khoản khác trong bản điều lệ được cổ đông thông qua ngày 25/06/2011 vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TÔN THẤT MẠNH